TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2025/HSST
Ngày: 25-7-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Châu Thị Lệ
2. Bà Trương Thị Hồng Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Hương – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Dũng - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 190/2025/TLST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 316/2025/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2025/QĐST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2025; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Vũ Khánh T;Giới tính : Nam
Sinh ngày: 04 tháng 12 năm 2000Tại: Thành phố Hồ Chí Minh
Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: KinhTôn giáo: Công giáo
Nơi đăng ký HKTT: Nhà số F đường L, Phường A, quận G (nay là phường A), Thành phố Hồ Chí Minh
Trình độ học vấn: 12/12
Nghề nghiệp: Nhân viên xử lý Bưu cục 89 thuộc Công ty G hàng nhanh.
Họ tên cha: Nguyễn Quốc T1 năm 1970
Họ tên mẹ: Vũ Thị Bích Lệ S năm 1970
Anh chị em: Có 02 người, bị can là con thứ 02 trong gia đình
Tiền án, tiền sự: Không
Tạm giam từ ngày 18/10/2024 đến ngày 15/01/2025, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp ra Quyết định Hủy bỏ biện pháp tạm giam, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Thanh D – Luật sư Đoàn Luật sư Thành phố H.

Bị hại : Công ty Cổ phần G

Địa chỉ: Số D đường X, Phường B, quận B (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trương Chấn P (theo Giấy ủy quyền số 1298/GUQ-GHN/2025 ngày 23/6/2025).

Nơi ở hiện tại: Số E đường L, Phường A, quận G (nay là phường H) Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần G được thành lập và hoạt động kinh doanh vào năm 2012 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp ngày 02/8/2012, có mã số doanh nghiệp C do ông Lương Duy H làm Tổng giám đốc – là người đại diện pháp luật, vốn điều lệ 300 tỷ đồng, ngành nghề dịch vụ giao hàng, trụ sở địa chỉ số D đường X, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần G có ký hợp đồng lao động tuyển dụng ông Nguyễn Vũ Khánh T vào làm việc từ ngày 31/3/2021; chức danh chuyên môn, vị trí công việc là nhân viên xử lý tổng hợp và được phân công làm việc tại Bưu cục 89 trực thuộc Công ty G do ông Nguyễn Lâm Thành P1 làm Bưu cục trưởng.

Trách nhiệm của nhân viên xử lý tại Bưu cục là quản lý hàng hóa và tiền thu hộ đơn hàng, quy trình làm việc như sau: Buổi sáng hàng ngày nhân viên xử lý sẽ tiếp nhận hàng của Công ty giao đến bằng xe tải của Bưu cục, kiểm đếm thực tế hàng hóa và quét mã vận đơn trên từng kiện hàng để cập nhật hệ thống quản lý giao hàng của công ty, phân loại và giao cho nhân viên giao hàng (cập nhật hệ thống đơn hàng đang giao). Sau khi nhân viên giao hàng, nhận tiền từ khách hàng phải cập nhật tài khoản cá nhân để xác nhận tình trạng đơn hàng đã hoàn thành và nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản cho nhân viên xử lý vào cuối ca. Sau đó, nhân viên xử lý sẽ xuất phiếu thu tiền điện tử trên hệ thống xác nhận với công ty là đã nhận đủ tiền. Vào ngày hôm sau trước 11 giờ 30 phút nhân viên xử lý phải thống kê số tiền đã thu và chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Công ty G, nếu quá thời hạn trên thì công ty sẽ khóa tài khoản cá nhân của nhân viên đó không cho truy cập vào hệ thống quản lý giao hàng của Bưu cục. Trường hợp nhân viên giao hàng không thành công thì nhân viên giao hàng vào tài khoản cá nhân được công ty cấp sử dụng trên điện thoại bấm xác nhận là tình trạng đơn hàng giao thất bại. Khi có phát sinh hàng hóa, tiền thu hộ bị thất thoát hoặc bị mất tại Bưu cục, nhân viên xử lý sẽ báo cáo Bưu cục trưởng biết để Bưu cục trưởng báo cáo về Công ty xem xét, xử lý.

Quá trình làm việc, do cần tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của Công ty G, vào sáng ngày 27/09/2024, xe tải chở hàng hóa được giao đến cho Bưu cục 89, trong đó có sản phẩm là một máy PS4, giá trị đơn hàng là 22.800.000 đồng, hình thức giao hàng là thu tiền hộ, hàng được giao cho ông Nguyễn Thanh T2 tại địa chỉ số G đường N, Phường C, quận G. T đã đưa

đơn hàng này cho anh Nguyễn Tấn T3 (nhân viên giao hàng) để đi giao hàng nhưng giao hàng thất bại do khách hàng từ chối nhận vì bận công việc, hẹn ngày hôm sau sẽ nhận hàng, hàng hóa đã được anh T3 giao về lại Kho của Bưu cục theo đúng quy định. Ngày 28/09/2024 đến ngày 29/09/2024, T tiếp tục phân công anh T3 đi giao đơn hàng này nhưng vẫn giao hàng thất bại do người nhận bận việc nên không nhận hàng, sau 03 lần giao hàng thất bại thì trên hệ thống quản lý giao hàng của Công ty đã tự động hủy đơn hàng và cập nhật tình trạng đơn hàng là "lưu kho chờ trả". Đến ngày 30/9/2024, T nhận được điện thoại của ông Nguyễn Thanh T2 (là người nhận đơn hàng) yêu cầu giao hàng cho ông T2 (ông T2 biết số điện thoại của T vì trước đó T có liên lạc với khách hàng để xác định lý do tại sao không nhận hàng). Sau khi được ông T2 yêu cầu giao hàng, T đã tự ý lấy đơn hàng và kiện hàng máy PS4 trong kho hàng của Bưu cục đi giao cho ông Nguyễn Thanh T2 tại địa chỉ số G đường N, Phường C, quận G và được ông T2 thanh toán chuyển khoản tiền thu hộ số tiền 22.950.000 đồng (bao gồm tiền hàng 22.800.000 đồng và tiền phí vận chuyển 150.000 đồng) vào tài khoản ngân hàng của T. Sau khi nhận số tiền này, T không nộp về Công ty mà sử dụng vào việc trả nợ và tiêu xài cá nhân như sau: T đã sử dụng 20.000.000 đồng để trả nợ cho các nhân viên giao hàng gồm Vũ Văn T4 số tiền 5.000.000 đồng, Trần Nguyên K số tiền 7.000.000 đồng, Nguyễn Hiếu N số tiền 5.000.000 đồng, Lê Hoàng Tuấn K1 số tiền 1.000.000 đồng và Nguyễn Hữu Vũ A (bạn của T) số tiền 2.000.000 đồng. T chi trả nợ thẻ tín dụng ngân hàng S1, H số tiền 821.675 đồng, còn lại 2.128.325 đồng thì tiêu xài cá nhân.

Để che giấu không bị phát hiện hành vi chiếm đoạt tiền của Công ty, vào lúc 20 giờ 15 phút ngày 03/10/2024, T đã thao tác trên hệ thống giao hàng của Bưu cục bằng tài khoản cá nhân: Mã số NV: 3002577, mật khẩu: Kzizmdaw3# để chuyển đổi trạng thái đơn hàng từ "đơn hàng lưu kho" thành "đơn hàng luân chuyển" về Kho tổng của Công ty (đơn hàng luân chuyển là đơn hàng được hoàn trả lại cho người gửi, đơn hàng này sẽ được chuyển lên xe của Công ty để chở về kho tổng, sau đó hoàn trả lại cho người gửi).

Đến ngày 05/10/2024, Công ty nhận được khiếu nại từ người gửi đơn hàng đồng thời biết được đơn hàng đã được giao đến cho người nhận hàng và nhận đủ tiền vào ngày 30/9/2024. Tuy nhiên, đơn hàng chưa được bấm xác nhận tình trạng đã giao thành công. Công ty tiến hành kiểm tra dữ liệu đơn hàng trên hệ thống và trích xuất camera tại Bưu cục thì phát hiện Nguyễn Vũ Khánh T đã thực hiện hành vi vi phạm quy định của Công ty. Qua làm việc trực tiếp, T đã xác nhận đơn hàng này do T lấy đi giao cho khách hàng, đã thu số tiền 22.950.000 đồng do người nhận hàng chuyển vào tài khoản ngân hàng của T số 19038837278013 mở tại ngân hàng T5 nhưng T không nộp về Công ty, T đã chiếm đoạt số tiền này và sử dụng tiêu xài cá nhân. Sau khi bị phát hiện sự việc, T đã mượn của bà Vũ Thị Bích L (mẹ ruột T) số tiền 20.000.000 đồng để nộp trả cho Công ty vào tài khoản ngân hàng của ông Nguyễn Lâm Thành P1 (Bưu cục trường). Ông P1 đã báo lại cho Công ty và Công ty đã yêu cầu ông P1 chuyển trả lại số tiền này cho T để Công ty trình báo sự việc đến Công an để xử lý.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G, Nguyễn Vũ Khánh T đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Cơ quan điều tra Công an quận G đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với bị cáo Nguyễn Vũ Khánh T.

Tại Bản Cáo trạng số 202/CT-VKS-GV ngày 06 tháng 5 năm 2025 Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh) đã truy tố bị cáo Nguyễn Vũ Khánh T tội danh "Tham ô tài sản" theo khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh trình bày lời luận tội và đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Vũ Khánh T 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án.

Về trách nhiệm dân sự : bị cáo Nguyễn Vũ Khánh T đã nộp lại số tiền 22.800.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt của Công ty G hàng nhanh và được bà Trần Thị Thiện M (đại diện công ty) làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau :

1] Về thủ tục tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận G và Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh) đã thực hiện các hoạt động tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Việc thu thập các tài liệu, chứng cứ trong vụ án đã đầy đủ, đảm bảo hợp pháp, khách quan.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ xác định: Nguyễn Vũ Khánh T – là nhân viên xử lý tổng hợp được phân công làm việc tại Bưu cục số 89 trực thuộc Công ty Cổ phần G, trách nhiệm của nhân viên xử lý tại Bưu cục là quản lý hàng hóa và tiền thu hộ đơn hàng của công ty. Ngày 30/9/2024 T đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình tự ý lấy đơn hàng và kiện hàng máy PS4 trong kho hàng của Bưu cục (hàng lưu kho chờ trả) đi giao cho ông Nguyễn Thanh T2 tại địa chỉ số G đường N, Phường C, quận G và được ông T2 thanh toán chuyển khoản tiền thu hộ số tiền 22.950.000 đồng (bao gồm tiền hàng 22.800.000 đồng và tiền phí vận chuyển 150.000 đồng) vào tài khoản ngân hàng của T. Sau khi nhận số tiền này, T không nộp về Công ty mà chiếm đoạt để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo đã phạm tội "Tham ô tài

sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo hoàn toàn hiểu rằng việc tham ô tài sản của công ty là hành vi sai trái, sẽ bị pháp luật trừng trị; nhưng vì lòng tham nên bị cáo đã cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm sở hữu của doanh nghiệp, tổ chức; gây nguy hại lớn về nhiều mặt đối với đời sống xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trong khu vực và trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội để cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên xét bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải. Do đó, nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Xét bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; có nơi cư trú ổn định; có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; không thuộc trường hợp không được hưởng án treo; trong quá trình điều tra vụ án bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 18/10/2024 đến ngày 15/01/2025 cũng đã đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa; việc cho bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng biện pháp cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi cư trú giáo dục bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo được sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự : bị cáo Nguyễn Vũ Khánh T đã nộp lại số tiền, Công ty G không có yêu cầu gì thêm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Vũ Khánh T phạm tội "Tham ô tài sản";

Áp dụng Điều 38; khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ Khánh T 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Vũ Khánh T cho Ủy ban nhân dân Phường A1, quận G (nay là phường A), Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

2. Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 3 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Mục 1 Phần A Danh mục về án phí, lệ phí (ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016);

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng);

3. Áp dụng Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo Nguyễn Vũ Khánh T, Người bị hại Công ty Cổ phần G được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo)

Nơi nhận :
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Tp . HCM;
- Công an Tp . Hồ Chí Minh;
- VKSND KV7-Tp . HCM;
- Sở Tư pháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp . HCM;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ. .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Minh Thảo